

Họ và tên:

Lớp:

TOÁN 3 – BÀI 15 : LUYỆN TẬP CHUNG

Bài 1. Điền số còn thiếu trong mỗi dãy số giảm đều.

a)

40	32		16	8
----	----	--	----	---

b)

84	82		78	76	74	72
----	----	--	----	----	----	----

c)

99	90	81	72	63	54		36
----	----	----	----	----	----	--	----

d)

63	56	49	42		28
----	----	----	----	--	----

Bài 2. Tính giá trị các biểu thức sau.

a) $12:6 \times 8 = \dots$ b) $48:6 \times 7 = \dots$ c) $10:5 \times 8 = \dots$ d) $32:8 \times 6 = \dots$

Bài 3. Điền số thích hợp vào ô trống trong mỗi dòng để hai vế có giá trị bằng nhau.

a) $1 \times 3 = 21: \dots$ b) $8:4 = 2 \times \dots$ c) $1 \times 6 = 42: \dots$ d) $12:4 = 3 \times \dots$

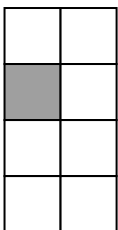
Bài 4. Điền dấu $>$, $<$ hoặc $=$ vào chỗ trống.

a) $56:8 \dots 12:2$ b) $14:7 \dots 15:3$ c) $12:4 \dots 12:4$ d) $54:9 \dots 12:4$

Bài 5. Điền số thích hợp vào chỗ trống.

a) $8:4 \times \dots = 10$ b) $5: \dots \times 9 = 9$ c) $6 \times 4: \dots = 3$ d) $6 \times \dots : 4 = 9$

Bài 6. Quan sát hình và điền số thích hợp:

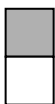


Phần đã tô màu là $\frac{1}{\dots}$ hình.

Bài 7. Quan sát các hình dưới đây. Điền số của hình đã được tô màu đúng $\frac{1}{2}$ hình.



Hình 1



Hình 2



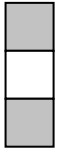
Hình 3



Hình 4

Hình được tô màu đúng $\frac{1}{2}$ là

Bài 8. Quan sát các hình dưới đây. Điền số của hình đã được tô màu đúng $\frac{1}{3}$ hình.



Hình 1



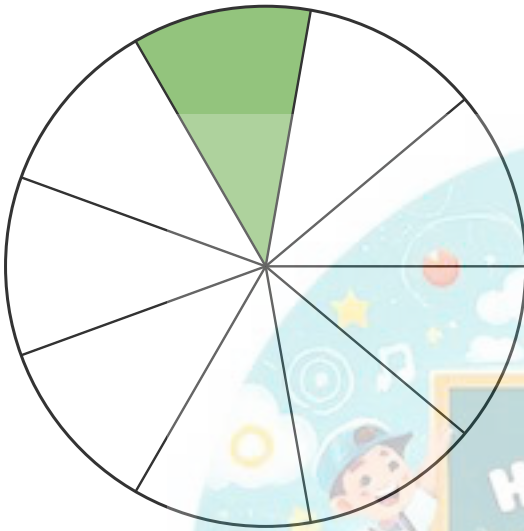
Hình 2



Hình 3

Hình được tô màu đúng $\frac{1}{3}$ là

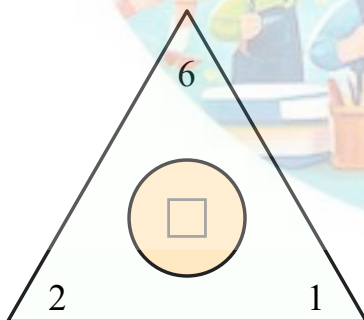
Bài 9. Quan sát hình tròn sau và điền mẫu số còn thiếu.



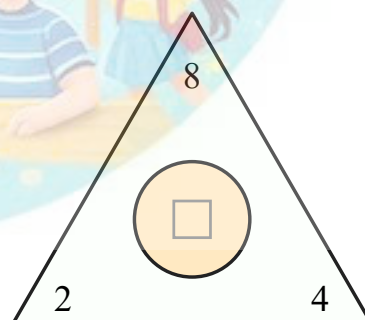
Đã tô màu $\frac{1}{\dots}$ hình tròn.

Bài 10. Quan sát mỗi tam giác và điền số còn thiếu. Quy luật: số ở tâm bằng số ở đỉnh trên nhân với số ở đỉnh dưới bên phải rồi cộng số ở đỉnh dưới bên trái.

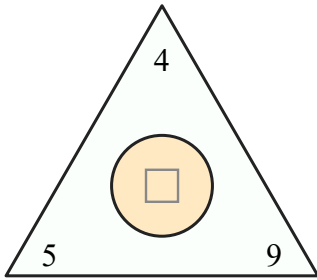
a)



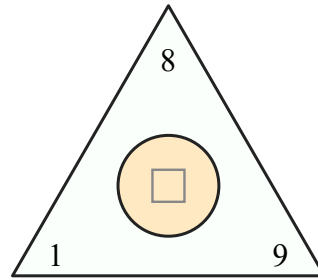
b)



c)



d)



Bài 11. Quan sát ma trận trò chơi dưới đây. Tính từng ô phép nhân hoặc phép chia, rồi đếm xem có bao nhiêu ô có kết quả bằng 18.

	$6 : 6$	5×2	9×2
3×6	$28 : 4$	9×2	9×2
4×5	6×3	9×2	3×7
4×3	6×7	$6 : 3$	

Điền số ô có kết quả bằng 18: ...

Bài 12. Cô giáo cắm đều hoa vào các lọ. Có 3 lọ hoa. Mỗi lọ hoa có 6 bông hoa. Hỏi cô giáo đã dùng tất cả bao nhiêu bông hoa?

Bài giải

.....

.....

.....

Bài 13. Giải bài toán có lời văn sau.

Trong lớp có 3 bàn học, mỗi bàn có 7 quyển vở. Trên các bàn có tất cả bao nhiêu quyển vở?

Bài giải

.....

.....

.....

Bài 14. Cô Mai xếp 72 quả cam vào các đĩa, mỗi đĩa có 8 quả cam. Hỏi cô mai xếp được bao nhiêu đĩa cam?

Bài giải

.....

.....

.....

---HẾT---